

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30 - 3 -2023
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Quốc Định

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng;

2. Bà Hoàng Thị Trang.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thanh Loan, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thanh Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Hồng P, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Hồng P trình bày:

Bà Phan Thị Hồng P (nguyên đơn) và ông Nguyễn Phi H (bị đơn) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã Y), huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/01/1996. Sau khi kết hôn vợ

chồng về chung sống với nhau tại thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk hạnh phúc được một thời gian, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Quá trình chung sống nguyên đơn với bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 02/7/1997 và cháu Nguyễn Hoài Phương Th, sinh ngày 20/10/1999, hiện nay các cháu đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng, nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung không có nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều văn bản tố tụng khác để thông báo cho bị đơn tham gia tố tụng bảo vệ quyền lợi cho mình nhưng bị đơn đều vắng mặt tại các buổi làm việc ở Tòa án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn với bị đơn. Về con chung, tài sản và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn nên đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại thôn 1, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toàn đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt đối với các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 12/01/1996 nên quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có tiếng nói chung, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài nhưng không thể khác phục được, vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xin ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung là cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 02/7/1997 và cháu Nguyễn Hoài Phương Th, sinh ngày 20/10/1999, hiện nay các con chung của nguyên đơn và bị đơn đã đủ tuổi thành niên và có cuộc sống riêng, nguyên đơn cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Hồng P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Hồng P được ly hôn với ông Nguyễn Phi H.

2. Về con chung: Các cháu Nguyễn Trường S, sinh ngày 02/7/1997 và cháu Nguyễn Hoài Phương Th, sinh ngày 20/10/1999 đã đủ tuổi thành niên nên không giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị Hồng P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2021/0017488 ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện B;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Định